

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 147; Điều 212; Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án” và điểm đ Điều 1.3, Phần 1, Mục II Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 13 tháng 8 năm 2026, về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 127/2026/TLST-TCDS ngày 30 tháng 6 năm 2026,

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng N; địa chỉ: Số B L, phường G, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V - Tổng giám đốc.

Đơn vị được uỷ quyền: Ngân hàng N, chi nhánh Q; địa chỉ: C Q, phường B, tỉnh Quảng Trị.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Hoàng Đăng K - Giám đốc Ngân hàng N, chi nhánh Q.

Người được uỷ quyền lại: Bà Nguyễn Thị T, Trưởng phòng khách hàng Ngân

hàng N, chi nhánh Q.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1977 và bà Hoàng Thị L, sinh năm 1980; địa chỉ: Tổ dân phố M, phường B, tỉnh Quảng Trị.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về khoản nợ: Ông Nguyễn Văn C và bà Hoàng Thị L nợ Ngân hàng N theo Hợp đồng tín dụng số 3804-LVA-202024193 ngày 19/8/2022 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng số 3804-LVA-202024193A ngày 19/12/2025, tính đến hết ngày 10/8/2026 với tổng số tiền: 2.461.506.849 đồng (*Hai tỷ bốn trăm sáu mươi một triệu năm trăm linh sáu nghìn tám trăm bốn mươi chín đồng*); trong đó, nợ gốc: 1.750.000.000 đồng; nợ lãi: 711.506.849 đồng (lãi trong hạn: 450.684.934 đồng; lãi quá hạn: 260.821.918 đồng).

2.2. Cam kết trả nợ: Ông Nguyễn Văn C và bà Hoàng Thị L có nghĩa trả thanh toán (trả nợ) số tiền còn nợ trên theo lộ trình như sau: chậm nhất ngày 30/10/2026, trả số tiền 150.000.000 đồng; chậm nhất ngày 30/7/2027, trả số tiền 100.000.000 đồng; chậm nhất ngày 30/11/2027, trả số tiền 150.000.000 đồng và chậm nhất ngày 30/11/2028, tất toán (trả nợ) toàn bộ số tiền nợ còn lại và lãi phát sinh từ ngày 11/8/2026 đến khi thanh toán hết khoản nợ cho ngân hàng N.

2.3. Về xử lý tài sản thế chấp: Trường hợp ông Nguyễn Văn C và bà Hoàng Thị L vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo cam kết nêu trên thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 044180009845/HĐTC ngày 19/12/2025 đã ký kết giữa các bên để thu hồi nợ. Trường hợp số tiền bán tài sản không đủ thanh toán hết nghĩa vụ trả nợ thì ông Nguyễn Văn C và bà Hoàng Thị L có trách nhiệm tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng N.

Tài sản thế chấp là thửa đất số 2582; tờ bản đồ số 57 tại tổ dân phố M, phường B, tỉnh Quảng Trị; diện tích 161m²; được Ủy ban nhân dân phường B, tỉnh Quảng Trị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất số AA 00530834, sổ vào sổ cấp Giấy chứng nhận CX55 ngày 16/12/2025, mang tên ông Nguyễn Văn C và vợ Hoàng Thị L.

Đối với tài sản là phần móng do ông Nguyễn Văn C và bà Hoàng Thị L xây dựng có tổng chiều dài 9,52m, vượt ra ngoài diện tích được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 8,8m² (ký hiệu tại các điểm 1-5-6-2, theo Sơ đồ hiện trạng khu đất của Hội đồng thẩm định). Ông C và bà L có trách nhiệm tự nguyện phá bỏ để đảm bảo thi hành án nếu phải thi hành án.

2.4. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch được làm tròn số là 40.615.000 đồng (*Bốn mươi triệu sáu trăm mười lăm nghìn đồng*). Các bên thỏa thuận ông Nguyễn Văn C và bà Hoàng Thị L chịu toàn bộ. Ông C và bà L chưa nộp án phí sơ thẩm. Ngân hàng N không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 40.212.000 đồng (*Bốn mươi triệu hai trăm mười hai nghìn đồng*) đã nộp tại Thi hành

án dân sự tỉnh Quảng Trị, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003228 ngày 23/6/2026.

2.5. Về chi phí tố tụng: Số tiền xem xét thẩm định tại chỗ hết 5.600.000 đồng (*Năm triệu sáu trăm nghìn đồng*); các bên thỏa thuận ông Nguyễn Văn C và bà Hoàng Thị L chịu toàn bộ. Ngân hàng N đã nộp tạm ứng số tiền trên nên ông C và bà L có trách nhiệm trả lại số tiền 5.600.000 đồng cho Ngân hàng N.

Về lãi suất chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của tổng số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, đối với thời gian chậm thi hành án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. *Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị;
- Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3;
- THA dân sự tỉnh Quảng Trị;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(ĐÃ KÝ)

Phan Anh Đức